

Số: **1320** /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **16** tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019; số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 và số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020);*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 1 tại Tờ trình số 533/TTr-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2071/TTr-TNMT-QLĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021.*



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 1 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

**1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Đa Kao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>771,80</b>	<b>63,06</b>	<b>99,27</b>	<b>248,30</b>	<b>92,65</b>	<b>49,43</b>	<b>49,56</b>	<b>22,98</b>	<b>35,87</b>	<b>76,28</b>	<b>34,41</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>											
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>771,80</b>	<b>63,06</b>	<b>99,27</b>	<b>248,30</b>	<b>92,65</b>	<b>49,43</b>	<b>49,56</b>	<b>22,98</b>	<b>35,87</b>	<b>76,28</b>	<b>34,41</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	24,01		4,43	14,83			0,80		0,02	3,93	
2.2	Đất an ninh	CAN	25,24	0,02	1,11	0,27	0,40	0,06	0,06	1,08	0,18	21,34	0,72
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất khu chế xuất	SKT											
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN											
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	78,39	2,49	8,54	36,95	9,28	6,52	2,02	0,73	0,92	10,01	0,94
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,44										3,44
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	279,02	20,35	38,14	87,77	38,33	21,82	18,92	10,58	12,43	19,16	11,52
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	15,18			2,49	12,69						
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA											
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT											
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	200,97	33,67	31,21	26,10	21,07	12,90	16,85	8,31	16,19	20,78	13,88
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,02	0,43	3,95	10,85	4,21	1,35	0,10	0,13	0,49	0,42	0,10
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,39	0,12	0,10			0,15	0,08		2,66	0,01	0,25
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	5,98		1,61	4,36							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,20	0,34	0,85	8,33	0,15	0,34	1,10	0,22	0,48	0,61	0,77
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,02	0,001							0,002	0,01	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX											
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,14	0,03		0,01			0,03	0,01	0,02		0,04
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	44,28	0,16	5,77	21,38	6,46	0,96	9,53	0,03			





### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Đa Kao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN											
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP											
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,33			0,21						0,12	

Ghi chú: - PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

**4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đất năm 2021:** trên địa bàn Quận 1 không còn diện tích đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 1 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

4. Ủy ban nhân dân Quận 1 chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

#### Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND. TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PCVP;
- Các phòng NCTH;
- Lưu: VT, (ĐT/PTH) T. *lp*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hòa Bình